

Bản án số: 161/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 16-12-2021.

V/v: *Ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Chí Nguyễn.

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Vũ Lâm và bà Nguyễn Thị Hải Yến.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Nhung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Hà Nội tham gia phiên tòa:

Bà Hoàng Vĩnh Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;

Mở phiên tòa xét xử công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 134/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2021 về việc: "Ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 227/2020/QĐXX-ST ngày 06 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị N.T. Đỏ, sinh năm 1984; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: thôn T.H, xã Đ.H, huyện Đ.A, TP. HN.

Số CCCD XXX cấp ngày 22-4-2015 tại Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Đ.Đ. Hường, sinh năm 1986. Nơi ĐKNKTT: thôn T.H, xã Đ.H, huyện Đ.A, TP. HN; Địa chỉ nơi ở: Số 205 Kohpo Yanagihara, 444-1 Kogaisu, thành phố Kuwana, tỉnh Mie, Nhật Bản.

Hộ chiếu số XXX do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 11-5-2015.

Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn là chị N.T. Đỏ trình bày:

Chị N.T. Đỏ kết hôn với anh Đ.Đ. Hường trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ.H, huyện Đ.A, TP. HN ngày 29-11-2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với nhau ngay. Năm 2015, anh Đ.Đ. Hường sang làm

việc tại Nhật Bản; đến năm 2017, chị N.T. Đỗ cùng con sang Nhật Bản sống cùng anh Hoàng.

Quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ngay cả khi chị Đỗ sang Nhật Bản sống cùng anh Hoàng thì vợ chồng vẫn thường xuyên xảy ra cãi vã. Thực tế, vợ chồng đã sống ly thân từ khoảng cuối năm 2018 đến nay; tháng 10-2020 thì chị Đỗ về Việt Nam sinh sống.

Chị N.T. Đỗ xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không thể kéo dài; mục đích hôn nhân không đạt được nên làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Đ.P.U, sinh ngày 16-11-2014 và cháu Đ.N.A, sinh ngày 26-7-2018.

Khi ly hôn, chị N.T. Đỗ đề nghị xin được nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con chung và không yêu cầu anh Đ.Đ. Hoàng đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Nếu anh Hoàng tự nguyện đóng góp cấp dưỡng nuôi con thì chị nhất trí.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và cũng không có nghĩa vụ chung về tài sản nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn: Chị N.T. Đỗ tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Bị đơn là anh Đ.Đ. Hoàng có đơn xin giải quyết vắng mặt và có văn bản trình bày quan điểm:

Anh Đ.Đ. Hoàng và chị N.T. Đỗ kết hôn là tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 29-11-2013 tại Ủy ban nhân dân xã Đ.H, huyện Đ.A, TP. HN và có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống ở thôn T.H, xã Đ.H, huyện Đ.A, TP. HN. Sau đám cưới khoảng 01 năm thì anh Hoàng sang Nhật Bản làm việc. Dù ở xa nhưng vợ chồng vẫn thường xuyên bắt đồng, cãi vã.

Năm 2017, chị N.T. Đỗ đưa con chung sang Nhật Bản đoàn tụ cùng anh Hoàng nhưng mâu thuẫn vợ chồng cũng không được cải thiện. Chị N.T. Đỗ nhiều lần định về nước nhưng vợ chồng vẫn cố gắng tìm cơ hội hàn gắn tình cảm nên chị Đỗ ở lại Nhật Bản; vợ chồng đã gần như sống ly thân suốt 03 năm qua ở Nhật Bản. Do dịch bệnh Covid-19 nên đến tháng 10-2020, chị N.T. Đỗ và hai con mới trở về Việt Nam được. Nay vợ chồng xác định tình cảm không thể hàn gắn, mâu thuẫn trầm trọng nên anh Hoàng đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Đ.P.U, sinh ngày 16-11-2014 và cháu Đ.N.A, sinh ngày 26-7-2018. Khi ly hôn, anh Hoàng nhất trí để chị Đỗ nuôi giữ, chăm sóc cả hai con chung vì anh Hoàng bận, không có thời gian chăm sóc con cái và tự nguyện chịu mức đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung với chị Đỗ theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Hoàng xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và không có nghĩa vụ chung về tài sản nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Anh Đ.Đ. Hoàng đang sinh sống ở nước ngoài, do dịch bệnh Covid19 phức tạp không thể về Việt Nam nên có đơn xin xét xử vắng mặt và có văn bản ủy quyền cho chị N.T. Đỗ nhận văn bản tố tụng của Tòa án.

Chị N.T. Đỗ giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn để anh, chị sớm ổn định cuộc sống.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền giải quyết của; Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ tố tụng của các đương sự được đảm bảo thực hiện trước và tại phiên tòa.

Anh Đ.Đ. Hoàng có đơn xin xét xử vắng mặt nên việc xét xử vụ án vắng mặt anh Hoàng là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Xét quan hệ vợ chồng giữa chị Đỗ và anh Hoàng mâu thuẫn đã trầm trọng kéo dài; vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm đến nhau; mục đích hôn nhân không đạt được. Các đương sự đều đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị Đỗ ly hôn anh Hoàng.

Về con chung: Đề nghị tiếp tục giao hai con chung là cháu Đ.P.U và Đ.N.A cho chị Đỗ chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự đều xác nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Đề nghị ghi nhận việc chị Đỗ tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các bên đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng.

Vụ án có một bên đương sự đang sinh sống và làm việc tại nước ngoài nên Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội thụ lý, giải quyết vụ án là đảm bảo đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 và Điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là anh Đ.Đ. Hoàng hiện đang sinh sống và làm việc ở Nhật Bản có đơn ly hôn và đơn đề nghị xét xử vắng mặt có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền ở nước ngoài nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Hoàng là đảm bảo đúng quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

- Về tình cảm: Chị N.T. Đỗ và anh Đ.Đ. Hường kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ.H, huyện Đ.A, TP. HN ngày 29-11-2013 nên được xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Các đương sự đều trình bày xác nhận: Quan hệ vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn ngay thời gian đầu sau khi anh Hường đi làm việc tại Nhật Bản cũng như thời gian chị Đỗ và con chung sang Nhật Bản chung sống cùng với anh Hường. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, anh chị đã cố gắng kéo dài thời gian chung sống nhằm hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả; vợ chồng đã sống ly thân thời gian dài khoảng gần 03 năm. Như vậy, cuộc sống chung vợ chồng đến nay đã không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được.

Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N.T. Đỗ và anh Đ.Đ. Hường đã trầm trọng kéo dài; vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm chăm sóc lẫn nhau; mục đích hôn nhân không đạt. Các bên đương sự đều đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn là có cơ sở, phù hợp quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N.T. Đỗ, giải quyết cho chị Đỗ được ly hôn anh Đ.Đ. Hường.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Đ.P.U, sinh ngày 16-11-2014 và cháu Đ.N.A, sinh ngày 26-7-2018, hiện cả 02 cháu đều chung sống ổn định cùng chị Đỗ. Các đương sự cùng thỏa thuận: Giao chị N.T. Đỗ nuôi giữ, chăm sóc cả 02 con chung và chị Đỗ không yêu cầu anh Hường đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy: Việc các đương sự thỏa thuận việc giao người nuôi giữ, chăm sóc con chung là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên xét chấp nhận. Do chị Đỗ không yêu cầu anh Hường đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa xét tạm hoãn việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Hường cho đến khi chị Đỗ có yêu cầu hoặc đến khi có sự thay đổi khác về người nuôi con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự đều xác định vợ chồng không có tài sản chung và cũng không có nghĩa vụ chung về tài sản nên đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

- Về án phí: Ghi nhận việc chị N.T. Đỗ tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 228, Điều 464, Điều 469, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 122, Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về tình cảm: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N.T. Đỗ. Chị N.T. Đỗ được ly hôn anh Đ.Đ. Hường.

2. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Đ.P.U, sinh ngày 16-11-2014 và cháu Đ.N.A, sinh ngày 26-7-2018.

Ghi nhận việc các đương sự thỏa thuận: Giao chị N.T. Đỗ trực tiếp nuôi giữ, chăm sóc, giáo dục cả 02 hai con chung. Tạm hoãn việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Đ.Đ. Hường cho đến khi chị Đỗ có yêu cầu hoặc đến khi có sự thay đổi khác; anh Đ.Đ. Hường được phép đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Các đương sự đều xác định vợ chồng không có tài sản chung và cũng không có nghĩa vụ chung về tài sản nên đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết. Nếu có tranh chấp phát sinh, thì các bên đương sự có quyền yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết sau.

4. Về án phí sơ thẩm: Ghi nhận việc chị N.T. Đỗ tự nguyện chịu toàn bộ 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0000362 ngày 22-10-2021 tại Cục thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội. Chị N.T. Đỗ đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm. Chị N.T. Đỗ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Đ.Đ. Hường có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hà Nội;
- Cục THADS TP Hà Nội
- Các đương sự;
- UBND xã Đ.H, huyện Đ.A, TP. HN;
- Lưu HS + VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Chí Nguyễn